

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 624 /QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các Thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH, Cục QLĐNN (để công bố);
- Lưu: VT, VP(CCHC), QLĐNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*Nguyễn Bá Hoan*

**Nguyễn Bá Hoan**

**PHỤ LỤC****THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI***(Kèm theo Quyết định số 624 /QĐ-BLĐTBXH ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>				
1	1.010697	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2	1.005129	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **Thủ tục hành chính cấp trung ương**

#### **1. Thủ tục “Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”**

##### **1.1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp dịch vụ, thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ có hoạt động chuẩn bị nguồn lao động và cập nhật trên Hệ thống cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Thực hiện theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

##### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

###### **1.3.1. Thành phần hồ sơ gồm:**

*(1) Văn bản chuẩn bị nguồn lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH;*

*(2) Bản sao văn bản đề nghị của bên nước ngoài tiếp nhận lao động hoặc thỏa thuận hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam với bên nước ngoài tiếp nhận lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực gồm những nội dung sau:*

a) Số lượng lao động mà doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị, ngành nghề, giới tính người lao động;

b) Yêu cầu về trình độ, kỹ năng nghề, ngoại ngữ của người lao động;

c) Thông tin cơ bản về việc làm ở nước ngoài (nơi làm việc, mức lương, thời hạn hợp đồng lao động);

d) Thời gian dự kiến tuyển chọn.

*(3) Tài liệu chứng minh được cơ quan chức năng nước tiếp nhận lao động cho phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với bên nước ngoài lần đầu hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam là giấy tờ sau:*

a) Trường hợp bên nước ngoài là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:

a1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

a2) Đối với nước có quy định về điều kiện tiếp nhận lao động nước ngoài thì cung cấp 01 bản sao tài liệu thể hiện người sử dụng lao động đáp ứng quy định này, kèm bản dịch tiếng Việt.

b) Trường hợp bên nước ngoài là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:

b1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

b2) 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản đề nghị chuẩn bị nguồn hoặc tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

b3) Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại điểm a khoản này.

***(4) Phương án chuẩn bị nguồn lao động bao gồm các nội dung sau:***

a) Số lượng lao động dự kiến (tối đa bằng số lượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH); ngành nghề; giới tính; trình độ, kỹ năng nghề và ngoại ngữ của người lao động;

b) Phương thức chuẩn bị nguồn:

b1) Sơ tuyển (nếu có): Thời gian bắt đầu sơ tuyển, địa điểm sơ tuyển;

b2) Dự kiến bồi dưỡng kỹ năng nghề (nếu có): Thời gian (thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc), địa điểm, hình thức bồi dưỡng (trực tiếp/liên kết);

b3) Dự kiến bồi dưỡng ngoại ngữ (nếu có): Thời gian (thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc), địa điểm, hình thức bồi dưỡng (trực tiếp/liên kết).

***(5) Cam kết ưu tiên tuyển chọn người lao động đã tham gia hoạt động chuẩn bị nguồn lao động là văn bản cam kết giữa doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam với người lao động, thể hiện nội dung doanh nghiệp sẽ ưu tiên tuyển chọn người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi Hợp đồng cung ứng lao động đã được đăng ký và chấp thuận.***

**1.3.2. Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**1.6. Cơ quan giải quyết:** Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản chuẩn bị nguồn lao động (theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp dịch vụ chuẩn bị nguồn lao động trước khi đăng ký hợp đồng cung ứng lao động khi có yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động hoặc theo thỏa thuận hợp tác với bên nước ngoài tiếp nhận lao động và chỉ được thực hiện sau khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản chấp thuận.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Hệ thống cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

\* **Ghi chú: TTHC đã được sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ.**

Tên doanh nghiệp  
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

### VĂN BẢN CHUẨN BỊ NGUỒN LAO ĐỘNG

Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước

1. Tên doanh nghiệp: .....
- Tên giao dịch: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: .....; Email: .....; Địa chỉ trang thông tin điện tử: .....
- Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số..... ngày .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
2. Doanh nghiệp đề nghị chuẩn bị nguồn lao động theo yêu cầu/thỏa thuận với bên nước ngoài tiếp nhận lao động (tổ chức dịch vụ việc làm/người sử dụng lao động ở nước ngoài): .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
- Người đại diện:..... - Chức vụ: .....
3. Việc làm dự kiến ở nước ngoài
- Nơi làm việc: (tên nhà máy, công trường, ... tại nước.....).....
- Ngành, nghề, công việc: .....
- Tiền lương, tiền công: .....
- Thời hạn hợp đồng lao động: .....
4. Nội dung chuẩn bị nguồn lao động
- Số lượng lao động: ..... Trong đó ..... nam và ..... nữ
- Phương thức chuẩn bị nguồn (sơ tuyển, trực tiếp/liên kết bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, ...): .....
- Địa điểm chuẩn bị nguồn (tên các tỉnh/thành phố): .....
- Thời gian chuẩn bị nguồn:.....
- Phí bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ (nếu có): .....
5. Thời gian dự kiến tuyển chọn lao động: .....
6. Hồ sơ gửi kèm theo:

.....  
.....  
.....  
Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**  
**THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

## **2. Thủ tục “Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp dịch vụ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải thẩm định ở nước ngoài thì phải thông báo cho doanh nghiệp dịch vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả thẩm định.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Thực hiện theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **2.3.1. Thành phần hồ sơ gồm:**

*(1) Văn bản đăng ký hợp đồng cung ứng lao động theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH;*

*(2) Bản sao của hợp đồng cung ứng lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực;*

*(3) Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH, cụ thể gồm:*

- Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Đài Loan (Trung Quốc).

- Đối với thị trường các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật thị trường Hàn Quốc, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người sử dụng lao động đáp ứng yêu

cầu/điều kiện tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt.

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt.

Trường hợp nước tiếp nhận không có quy định giấy tờ nêu trên: 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương của người sử dụng lao động, hoặc giấy tờ khác của cơ quan chức năng hoặc tổ chức nghề nghiệp liên quan (đối với hộ kinh doanh cá thể) thể hiện người sử dụng lao động có lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài; đồng thời phù hợp với danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt.

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 5 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH.

**2.3.2. Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng .

**2.6. Cơ quan giải quyết:** Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



- Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động (theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH).

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Hệ thống cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**\* Ghi chú:** *TTHC đã được sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ và mẫu văn bản đề nghị.*

Mã hồ sơ: .....

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../ĐKHĐ

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG LAO ĐỘNG**

Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước

1. Tên doanh nghiệp: .....  
Tên viết tắt: .....
2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động đi làm việc tại .....  
ký ngày .../.../..... với bên nước ngoài tiếp nhận lao động (tổ chức dịch vụ việc  
làm/người sử dụng lao động ở nước ngoài): .....  
- Địa chỉ: .....  
- Điện thoại: ..... ; Fax: ..... ; E-mail: .....  
- Người đại diện: ..... ; Chức vụ: .....
3. Nội dung:
  - Người sử dụng lao động: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: ..... ; Fax: ..... ; E-mail: .....
  - Người đại diện: ..... ; Chức vụ: .....
  - Thời hạn hợp đồng lao động: .....
  - Số lượng: ..... trong đó nữ: .....
  - Ngành, nghề: ..... trong đó số có nghề: .....
  - Địa điểm làm việc: .....
  - Thời giờ làm việc: ..... ; Thời giờ nghỉ ngơi: .....
  - An toàn, vệ sinh lao động: .....
  - Tiền lương/tiền công: .....
  - Các phụ cấp khác, tiền thưởng: .....
  - Tiền làm thêm giờ: .....
  - Các khoản khấu trừ từ lương theo quy định của nước tiếp nhận lao động: .....
  - Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt: .....
  - Các chế độ bảo hiểm: .....
  - Tiền dịch vụ được bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả (nếu có): .....
  - Các chi phí do bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả (nếu có): .....
  - Hỗ trợ khác: .....
4. Chi phí người lao động phải trả: .....
  - Tiền dịch vụ: .....
  - Chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc: .....
  - Chi phí đi lại từ nơi làm việc về Việt Nam khi hoàn thành hợp đồng: .....
  - Đóng góp Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước: .....
  - Bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ (nếu có): .....
  - Khám sức khỏe: .....

- Bảo hiểm xã hội (đóng cho cơ quan BHXH Việt Nam): .....
- Hộ chiếu, Lý lịch tư pháp: .....
- Thị thực (visa): .....
- Chi phí khác: .....
- Tổng cộng: .....

5. Các thoả thuận khác giữa doanh nghiệp và người lao động:

- Ký quỹ: .....
- Bảo lãnh: .....

6. Thời gian tuyển chọn: ..... tháng (không quá 12 tháng kể từ ngày chấp thuận đăng ký hợp đồng cung ứng lao động)

7. Hồ sơ gửi kèm theo:

.....  
.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*